TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HS - ST
Ngày 27/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Lý Văn Chỉnh;

2/ Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lộc – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2021/TLHS - ST ngày 09 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Thị M; tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10 tháng 8 năm 1996 tại huyện L, tỉnh Hòa Bình; nơi ĐKHKTT: Xóm Tr, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Bùi Văn L và bà: Bùi Thị M; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/04/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

* ***Người bào chữa cho bị cáo***: Ông Lý Văn Tr – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

****Người bị hại:*** Bà Nguyễn Thị Th; sinh năm 1979; trú tại: Thôn Ph, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

**** Người làm chứng:***

1- Triệu Phúc S; sinh năm 2000; trú tại: Thôn Ph, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

2- Ninh Thị H; sinh năm 1983; trú tại: B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

3 – Bùi Văn H; sinh năm 1992; trú tại: Xóm T, xã L, huyện T, tỉnh H. Vắng mặt tại phiên tòa.

4- Bùi Văn L; sinh năm 1987; trú tại: Xóm Gi, xã Gi, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

5- Nguyễn Văn T; sinh năm 1994; trú tại: Xóm V, xã Th, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

6- Bùi Văn T; sinh năm 1986; trú tại: Xóm Trung S, xã Ng, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2020 Bùi Thị M - Sinh năm 1996, trú tại xóm Tr, xã M, huyện L, tỉnh Hoà Bình biết và kết bạn trên mạng xã hội zalo với anh Triệu Phúc S - Sinh năm 2000, trú tại thôn Ph, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn lúc này đang thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Trung đoàn 246 đóng quân tại huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó giữa anh S và M thường xuyên nhắn tin nói chuyện với nhau. Trong quá trình nói chuyện, M biết anh S có ý định muốn đi học và xin chuyển sang chế độ quân nhân chuyên nghiệp trong lực lượng Quân đội nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của S. M nói dối mình tên là Nguyễn Quỳnh H - Sinh năm 1996, trú tại thôn Th, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình, trước đây M đã từng công tác tại Trung đoàn 246 và mang quân hàm Thiếu uý nhưng nay đã chuyển về công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện L, tỉnh Hoà Bình, gia đình có nhiều người công tác trong lực lượng Quân đội, nếu anh S có ý định chuyển chuyên nghiệp thì M sẽ giúp đỡ. Thấy M đưa ra thông tin như vậy, anh S đề nghị suy nghĩ thêm một thời gian rồi sẽ trả lời.

Đến khoảng tháng 5/2020, anh S có đề nghị M giúp đỡ để chuyển chuyên nghiệp cho mình nhưng anh S không có tiền nên đã cho M số điện thoại di động của mẹ anh S (Bà Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1979, trú tại thôn Ph, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) là 0365 609 1xx và 0348 900 7xx để M trao đổi cụ thể việc xin chuyển chuyên nghiệp cho anh S. M nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà Th nên đã chủ động liên lạc với bà Th bằng các số điện thoại của M sử dụng là 0359 058 6xx, 0336 153 5xx và tự giới thiệu thông tin về bản thân như đã nói trước đó với S. Mặc dù không biết trình tự, thủ tục, thẩm quyền cũng như chỉ tiêu chuyển chuyên nghiệp của lực lượng Quân đội như thế nào nhưng M vẫn nhiều lần trao đổi với bà Th qua điện thoại là muốn chuyển chuyên nghiệp cho anh S thì M sẽ giúp nhưng phải đưa tiền cho M để đi quan hệ và hứa hẹn đến ngày 05/9/2020 anh S sẽ được đi học và chuyển sang chế độ quân nhân chuyên nghiệp. Bà Th tin tưởng vào những thông tin M đưa ra nên đã chuyển tiền cho M theo yêu cầu. Sau khi nhận được tiền của bà Th chuyển một đến hai lần thì M biết bà Th đã hoàn toàn tin tưởng mình nên M tiếp tục nói dối là đã nhờ bố của M bỏ ra trước số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để lo chuyển chuyên nghiệp cho S nên giờ bà Th phải tiếp tục chuyển tiền trả. Sau đó cứ

cách vài ngày M lại chủ động liên lạc với bà Th yêu cầu gửi tiền. M nhờ người khác nhận hộ và gửi thông tin hoặc số tài khoản người nhận cho bà Th biết để chuyển tiền. Bà Th đã 16 lần sử dụng dịch vụ chuyển tiền của Ngân hàng, dịch vụ chuyển tiền ViettelPayPro để chuyển tiền đến địa chỉ người nhận do M cung cấp với tổng số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu), cụ thể:

Ngày 25/5/2020 bà Th sử dụng dịch vụ chuyển tiền của Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh B chuyển số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Ngày 02/6/2020 bà Th tiếp tục sử dụng dịch vụ của Ngân hàng này chuyển số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Trong các ngày 09/6; 12/6 và 17/6/2020 bà Th sử dụng dịch vụ của Ngân hàng N và Ph Việt Nam chi nhánh B lần lượt chuyển số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Người nhận tiền trong các lần chuyển này đều là anh Bùi Văn H - Sinh năm 1992, trú tại xóm T, xã L, huyện T, tỉnh Hoà Bình. Anh H đã nhận được số tiền trên tại Ngân hàng N và Ph Việt Nam Chi nhánh huyện T, tỉnh Hòa Bình và đưa toàn bộ số tiền cho M.

Ngày 20/6/2020 bà Th đến nhà chị Ninh Thị H - Sinh năm 1983, trú tại Bản L, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn nhờ chị H là người làm dịch vụ chuyển tiền để chuyển số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) qua dịch vụ ViettelPay Pro đến tài khoản số 30072050819xx của anh Bùi Văn L - Sinh năm 1987, trú tại xóm Gi, xã Gi, huyện T, tỉnh Hoà Bình mở tại Ngân hàng N và Ph Việt Nam chi nhánh huyện T. Anh L đã nhận được số tiền này và đưa đủ cho M. M có trả phí chuyển tiền cho anh L là 50.000đ.

Ngày 25/6/2020 bà Th tiếp tục đến nhà chị H để nhờ chị H sử dụng dịch vụ chuyển tiền ViettelPayPro để chuyển số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đến tài khoản số 455100009831xx của anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1994, trú tại xóm V, xã Th, thành phố H, tỉnh Hoà Bình mở tại Ngân hàng TMCP Đ và Ph Việt Nam chi nhánh H. Anh T nhận được tiền cũng đã đưa lại cho M.

Ngày 01/7/2020, 03/7/2020, 08/7/2020, 13/7/2020 và 22/7/2020 bà Th đến Ngân hàng N và Ph Việt Nam chi nhánh B chuyển số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), 10.000.000đ (Mười triệu đồng), 5.000.000đ (Năm triệu đồng), 10.000.000đ (Mười triệu đồng), 8.000.000đ (Tám triệu đồng) cho M và M đã nhận được.

Tiếp sau đó vào ngày 29/7/2020, 31/7/2020 và 15/8/2020 bà Th lại đến nhà nhờ chị H chuyển số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) qua dịch vụ ViettelPayPro đến tài khoản số 30032051826xx của anh Bùi Văn T - Sinh năm 1986, trú tại xóm Tr, xã Ng, huyện L, tỉnh Hoà Bình mở tại Ngân hàng N và Ph Việt Nam chi nhánh huyện L. Trong khoảng thời gian này, vào ngày 06/8/2020 bà Th còn một lần đến Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh B chuyển số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) vào khoản số 30032051826xx của anh T. Cũng như những người đươc nhờ nhận tiền khác, anh T đã đưa đủ số tiền bà Th chuyển cho M.

Sau khi nhận được tiền Bùi Thị M đã sử dụng, chi tiêu cá nhân hết. Đến hết tháng 9/2020 bà Th thấy anh S không được đi học và cũng không được chuyển sang chế độ chuyên nghiệp trong lực lượng Quân đội như M đã hứa hẹn trước đó nên bà Th gọi điện thoại thì M nói dối là hồ sơ của anh S đã được chuyển về Bộ Quốc phòng, gia đình cứ yên tâm chờ đồng thời yêu cầu bà Th chuẩn bị bản photocopy sổ hộ khẩu gia đình có chứng thực để khi nào anh S được đi học thì M sẽ đến đơn vị đón. Bà Th tiếp tục chờ đợi đến hết năm 2020 mà anh S vẫn không được đi học và chuyển chuyên nghiệp. Bà Th nhiều lần liên lạc yêu cầu M trả lại tiền nhưng M không có tiền trả lại nên lấy nhiều lý do xin khất việc trả tiền.

Qua tìm hiểu bà Th biết M không phải là Cán bộ đang công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện L, tỉnh Hoà Bình mà chỉ là lao động tự do, cũng không có người thân công tác trong lực lượng Quân đội nhân dân và không có khả năng xin đi học hoặc chuyển chuyên nghiệp cho anh S như thông tin M đã đưa ra. Ngày 05/01/2021 bà Th trực tiếp đến xóm Tr, xã M, huyện L, tỉnh Hoà Bình để tìm gặp và yêu cầu M trả tiền. Không có tiền trả nên M viết một giấy gia hạn trả nợ đề ngày 05/01/2021 và hẹn 05 ngày sau sẽ trả tiền cho bà Th nhưng M vẫn không thực hiện được.

Ngày 22/3/2021 bà Th tố giác hành vi của M đến Cơ quan CSĐT - Công an thành phố B.

Tại biên bản làm việc ngày 03/4/2021, đại diện Ban chỉ huy Quân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình xác nhận không có ai tên là Bùi Thị M, sinh năm 1996, trú tại xóm Tr, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình công tác tại đơn vị.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thành phố B tạm giữ của Bùi Thị M:

+ 01 (Một) chiếc điện thoại đi động nhãn hiệu VIVO, màu xanh đen, số IMEI 865315048945931; máy cũ đã qua sử dụng bên trong máy có 02 (hai) sim số thuê bao 0336.153.5xx và 0359.058.6xx.

+ 01 (Một) chiếc ví giả da màu nâu đỏ, đã qua sử dụng, mặt bên ngoài có viết chữ "Tuấn Anh" "Tặng em bé Thỏ".

+ 01 (Một) túi xách giả da màu đen đã qua sử dụng, kích thước 20 x 15cm.

+ Tiền Việt Nam 340.000đ *(ba trăm bốn mươi nghìn đồng)* hiện đang gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình điều tra, truy tố, Bùi Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố là thống nhất với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT - VKSTPBK ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Bùi Thị M về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Tại phiên toà:

***** Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị M từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 04/04/2021.

Về hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bản thân bị cáo làm lao động tự do, không có thu nhập ổn định , không có tài sản riêng nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Thị M phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tạm giữ của bị cáo Bùi Thị M: 01 (Một) chiếc điện thoại đi động nhãn hiệu VIVO, màu xanh đen, số IMEI 865315048945931, máy cũ đã qua sử dụng bên trong máy có 02 (hai) sim số thuê bao 0336.153.5xx và 0359.058.6xx và số tiền 340.000đ *(ba trăm bốn mươi nghìn đồng)*, để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) chiếc ví giả da màu nâu đỏ, đã qua sử dụng, mặt bên ngoài có viết chữ "Tuấn Anh" "Tặng em bé Thỏ"; 01 (Một) túi xách giả da màu đen đã qua sử dụng, kích thước 20 x 15cm của Bùi Thị M.

Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

* Bị cáo Bùi Thị M thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo nhất trí bồi thường cho bà Th toàn bộ số tiền 120.000.000đ bị cáo đã chiếm đoạt của bà Th.

* Người bào chữa cho bị cáo cũng thừa nhận việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo của xã nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

* Bị hại Nguyễn Thị Th yêu cầu bị cáo Bùi Thị M phải bồi thường cho bà Th toàn bộ số tiền mà bị cáo M đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Th là 120.000.000 đồng; về trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tò a người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi , quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị M thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do vậy có căn cứ xác định:

Trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2020, Bùi Thị M đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng cách đưa ra thông tin giả mạo, tự giới thiệu M tên là Nguyễn Quỳnh H - Sinh năm 1996, trú tại thôn Th, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình,

trước đây M đã từng công tác tại Trung đoàn 246 và mang quân hàm Thiếu uý nhưng nay đã chuyển về công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện L, tỉnh Hoà Bình, gia đình có nhiều người công tác trong lực lượng Quân đội và có khả năng xin chuyển sang chế độ quân nhân chuyên nghiệp trong lực lượng Quân đội cho anh Triệu Phúc S - Sinh năm 2000 khiến mẹ anh S là bà Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1979, cùng trú tại thôn Ph, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn tin tưởng và đã 16 lần sử dụng dịch vụ chuyển tiền của Ngân hàng, dịch vụ chuyển tiền ViettelPayPro để chuyển tiền từ thành phố B và huyện B, tỉnh Bắc Kạn đến địa chỉ người nhận do M cung cấp với tổng số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Bùi Thị M sau khi nhận đủ số tiền 120.000.000 đồng đã chi tiêu cá nhân hết, không xin chuyển sang chế độ quân nhân chuyên nghiệp cho anh Triệu Phúc S và cũng không trả lại tiền cho bà Nguyễn Thị Th.

Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, do vậy, cần phải xử lý theo pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Th toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bà Th là 120.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ 01 (Một) chiếc điện thoại đi động nhãn hiệu VIVO, màu xanh đen, số IMEI 865315048945931; máy cũ đã qua sử dụng bên trong máy có 02 (hai) sim số thuê bao 0336.153.5xx và 0359.058.6xx, xét thấy bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc thực hiện tội phạm, tuy nhiên cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

+ 01 (Một) chiếc ví giả da màu nâu đỏ, đã qua sử dụng, mặt bên ngoài có viết chữ "Tuấn Anh" "Tặng em bé Thỏ" và 01 (Một) túi xách giả da màu đen đã qua sử dụng, kích thước 20 x 15cm tạm giữ của bị cáo, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

+ Tiền Việt Nam 340.000đ *(ba trăm bốn mươi nghìn đồng)* hiện đang gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, là tiền bị cáo lao động mà có, không liên quan đến tội phạm, tuy nhiên cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

[8] Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo và bị cáo đã có đơn xin miễn án phí do vậy cần miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với các anh Bùi Văn H, Bùi Văn L, Bùi Văn T, Nguyễn Văn T là những người được Bùi Thị M nhờ nhận tiền hộ nhưng quá trình điều tra xác định các anh H, L, T, T sau khi nhận tiền hộ đều đưa hết cho Bùi Thị M, không được hưởng lợi gì và đều không biết lí do bà Th chuyển tiền cho bị cáo M và mục đích bị cáo nhận những khoản tiền này để làm gì. Do đó Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Bùi Văn H, Bùi Văn L, Bùi Văn T, Nguyễn Văn T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với vai trò đồng phạm giúp sức cũng như không xử lý về hành vi không tố giác tội phạm là có căn cứ.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị M phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị M 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 04/04/2021.

2.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Thị M phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tạm giữ của bị cáo Bùi Thị M: 01 (Một) chiếc điện thoại đi động nhãn hiệu VIVO, màu xanh đen, số IMEI 865315048945931, máy cũ đã qua sử dụng bên trong máy có 02 (hai) sim số thuê bao 0336.153.5xx và 0359.058.6xx và số tiền 340.000đ *(ba trăm bốn mươi nghìn đồng)*, để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) chiếc ví giả da màu nâu đỏ, đã qua sử dụng, mặt bên ngoài có viết chữ "Tuấn Anh" "Tặng em bé Thỏ"; 01 (Một) túi xách giả da màu đen đã qua sử dụng, kích thước 20 x 15cm của Bùi Thị M.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Bùi Thị M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
-THADS TP B;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu